CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn

Ngày 30/06/2025	12,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**-**	**-4.6%**

DT thuần
Q2/25
1.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21| 14.2%
YoY: ▼1.22| -42.3%

LN thuần
Q2/25
-0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.15| -211%
YoY: ▼0.46| -191%

LN sau thuế
Q2/25
0.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.10| 110%
YoY: ▲ 0.06| 45.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
40.9%
YoY: +/-▲ 8.7%

ROE (TTM)
Q2/25
0.0%
YoY: +/-▲ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,800 - 15,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,200
Số lượng CPLH (CP)	175,997,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	144,645
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.55
EPS	3
P/E	3614.5

DT thuần
6T 2025
3.13
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.64| -45.8%

LN thuần
6T 2025
-0.29
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.01| -140%

LN sau thuế
6T 2025
0.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.19| -39.7%

Cơ cấu sở hữu

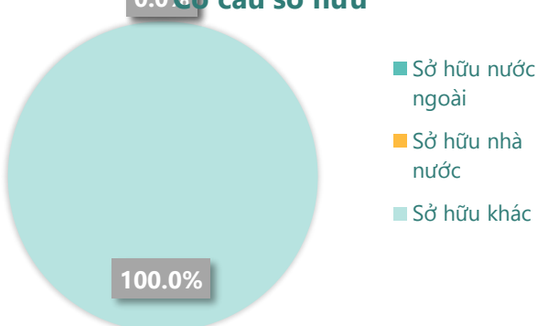

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

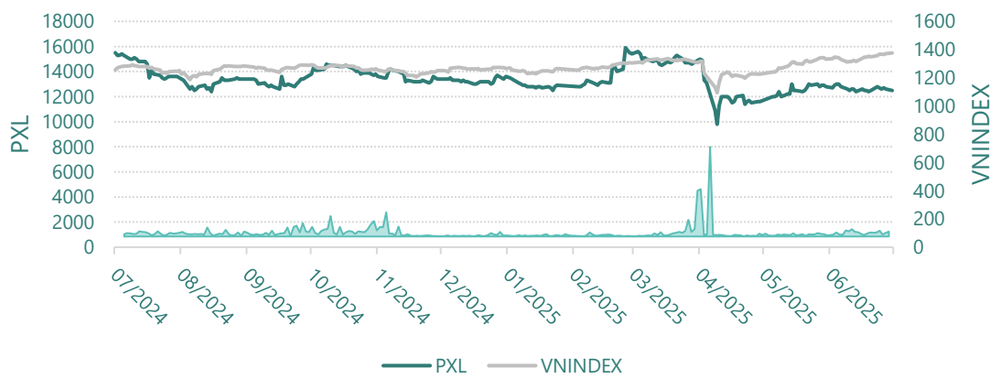

Cơ cấu cổ đông

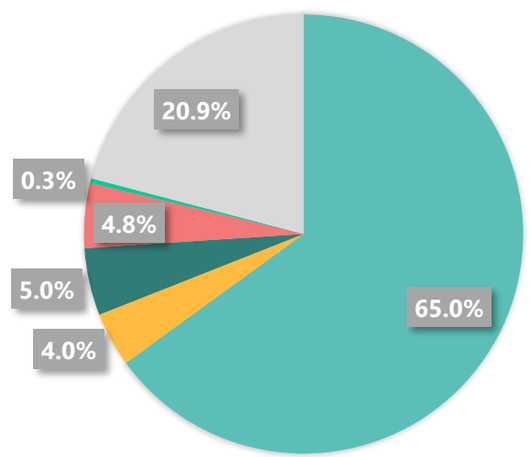

CTCP Hạ tầng Gelex
Tổng công ty IDICO - CTCP
CTCP Đầu tư MHC
Trần Minh Chính
Trần Ngọc Hưng
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

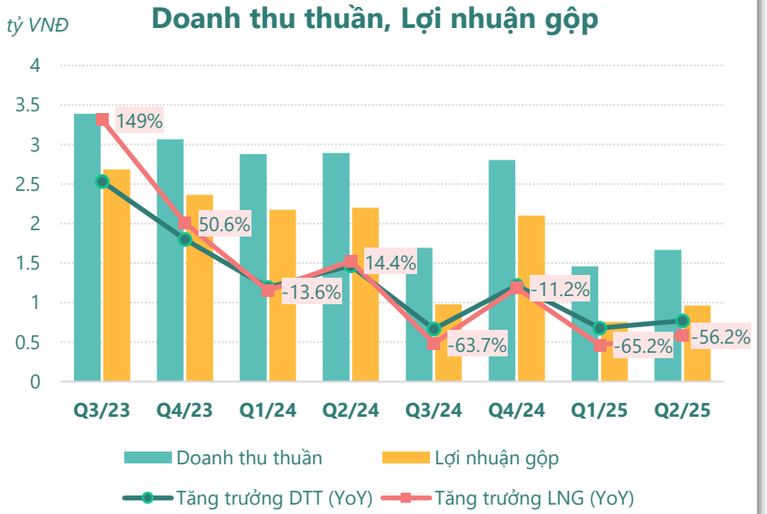

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

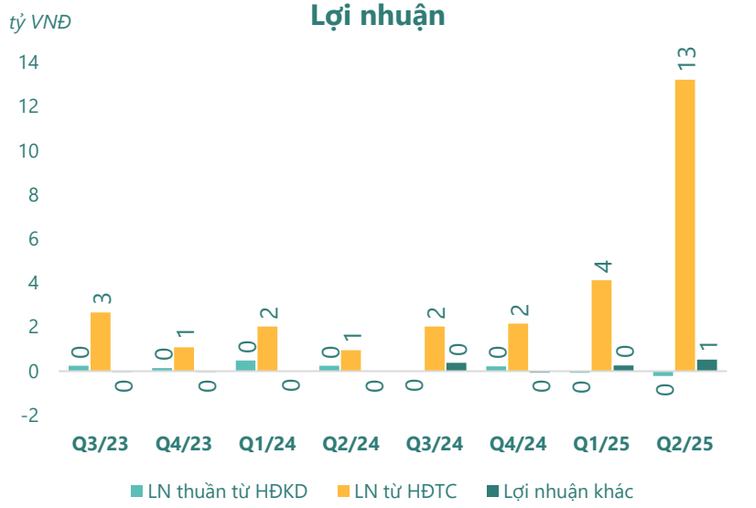

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

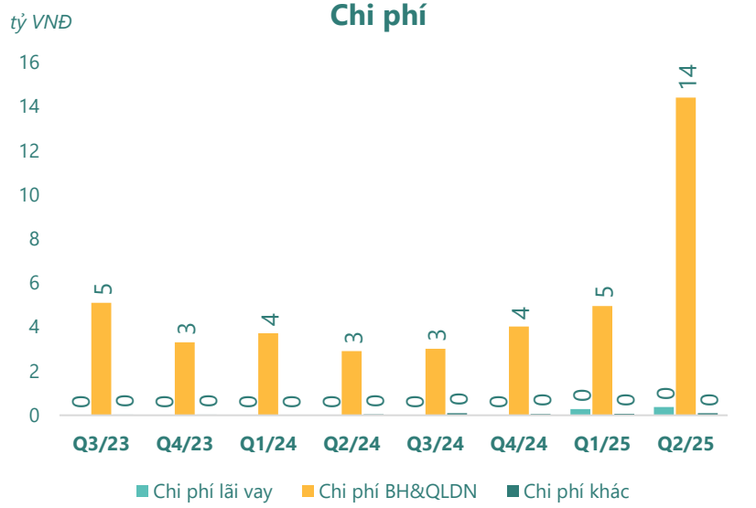

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

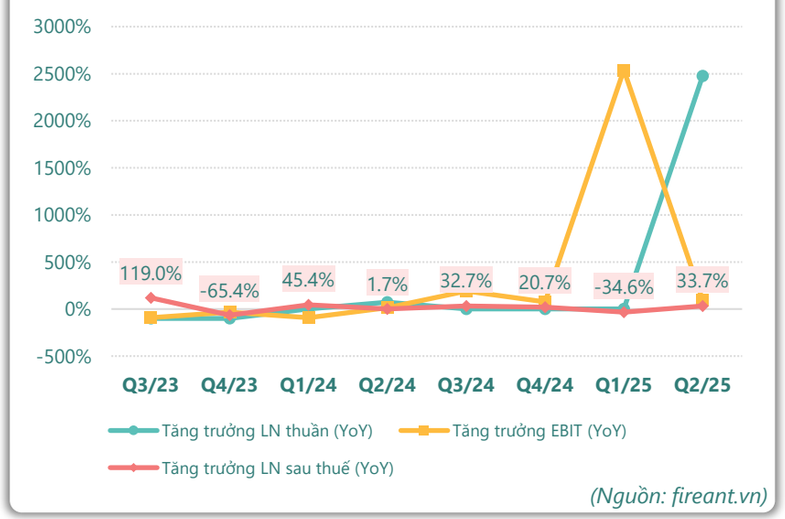

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

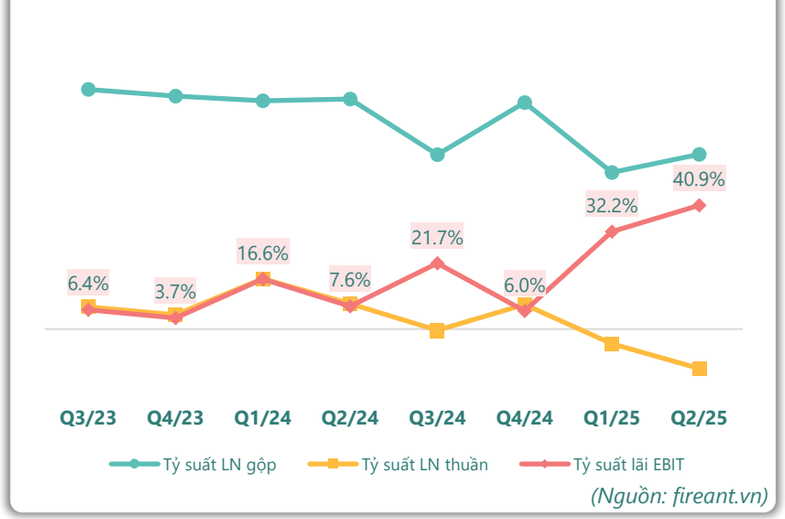

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

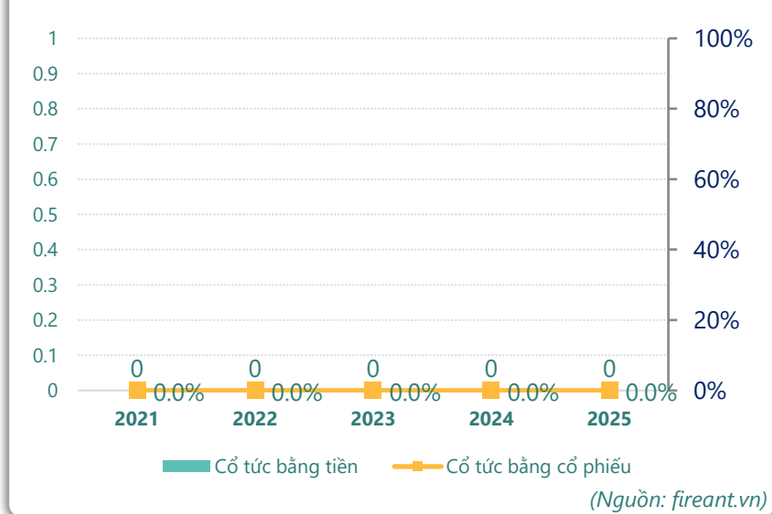

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

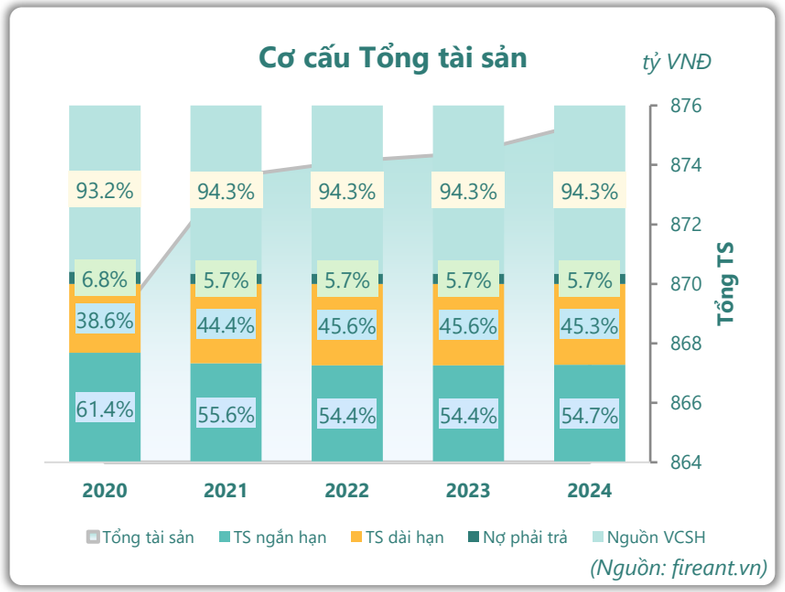

(Nguồn: fireant.vn)

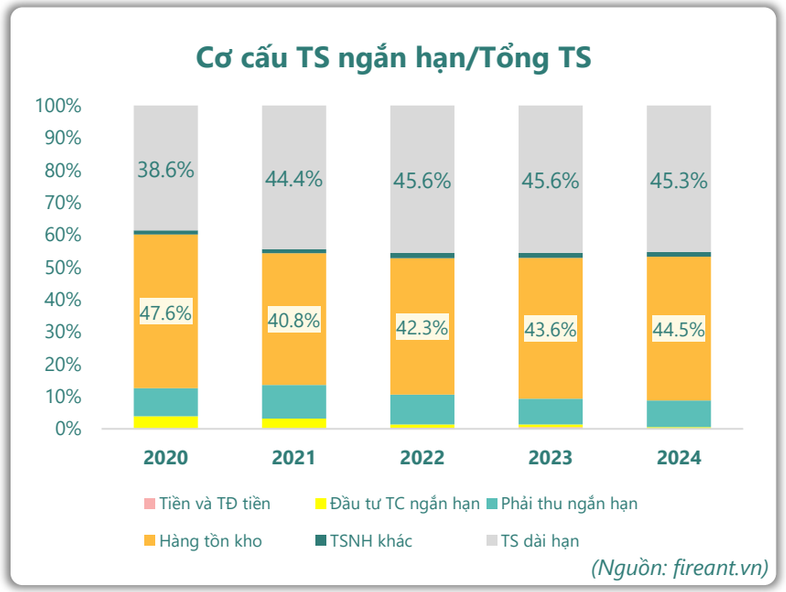

(Nguồn: fireant.vn)

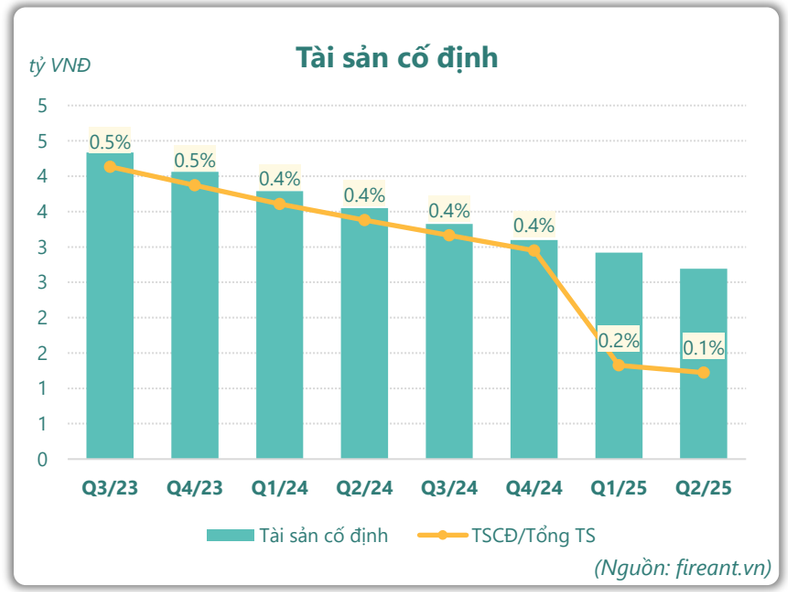

(Nguồn: fireant.vn)

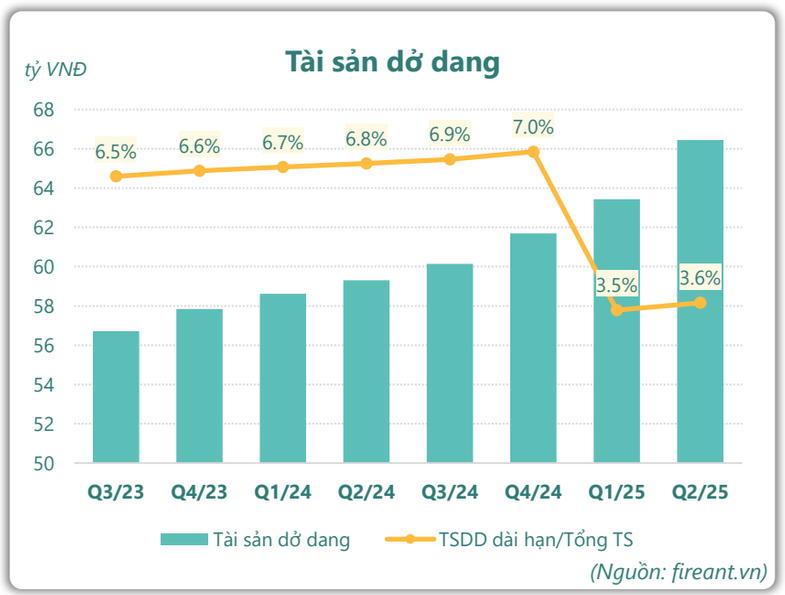

(Nguồn: fireant.vn)

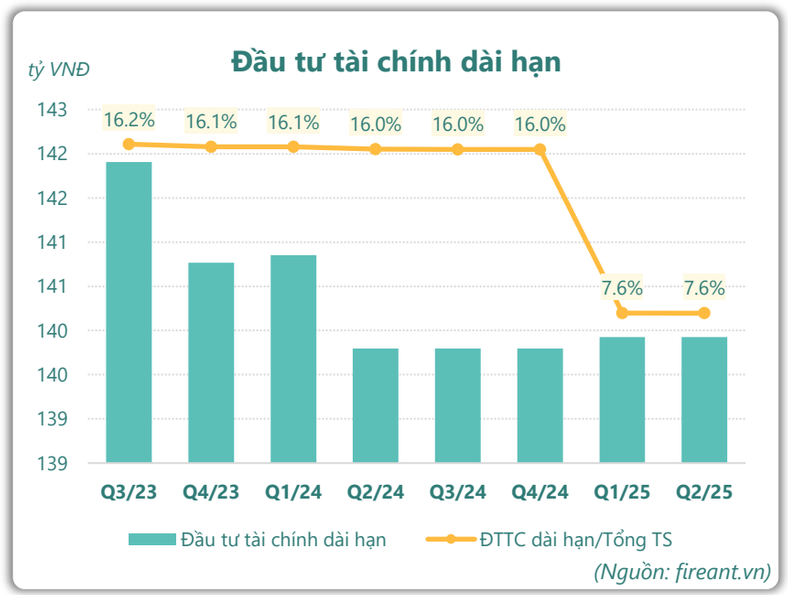

(Nguồn: fireant.vn)

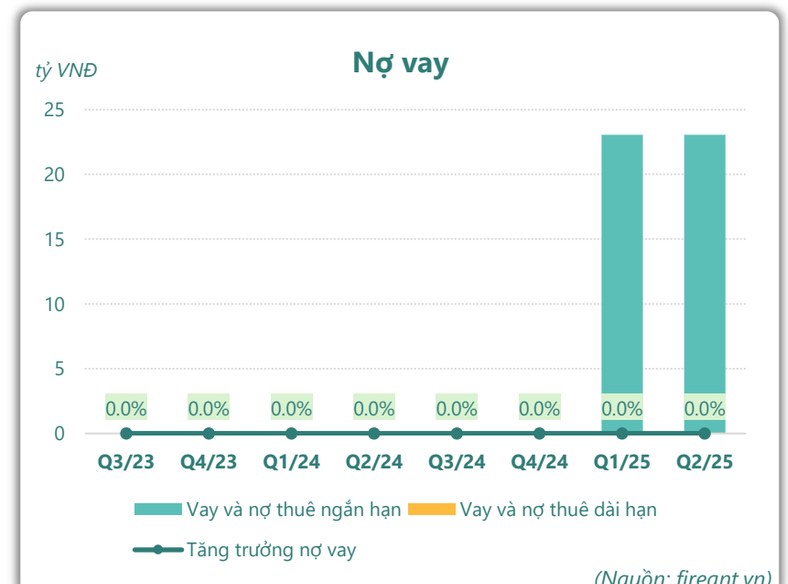

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

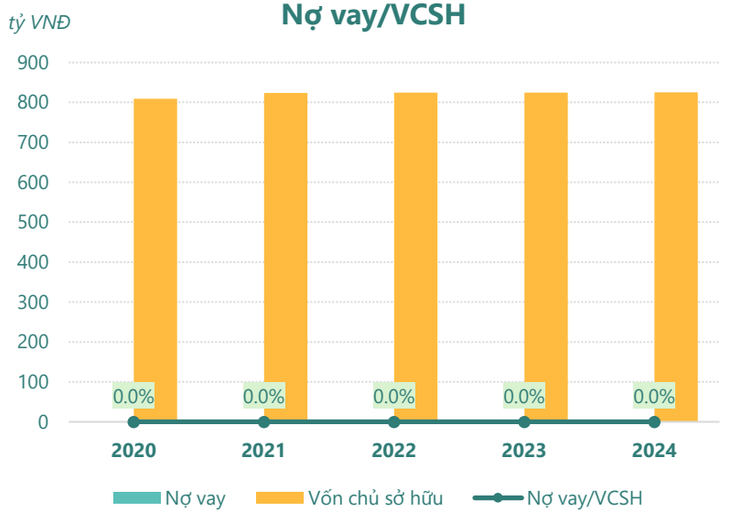

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

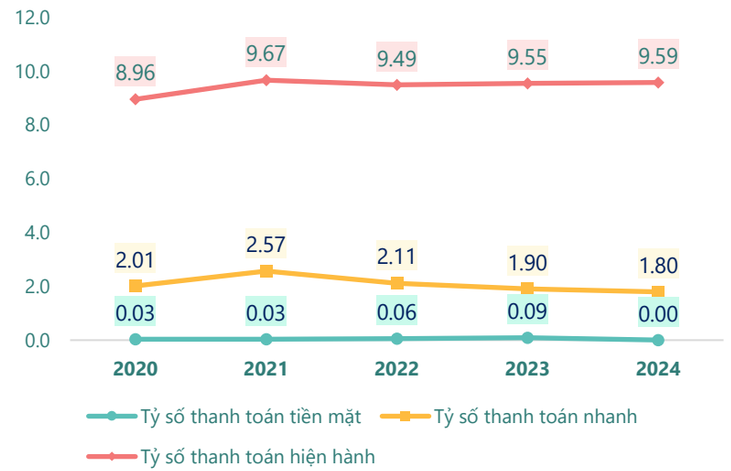

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

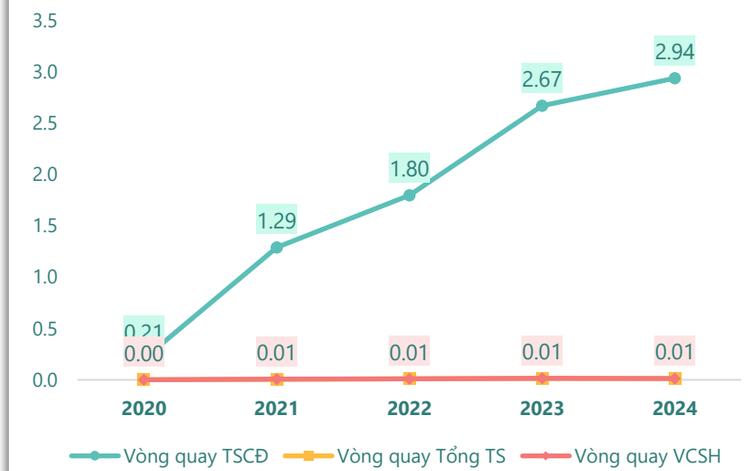

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

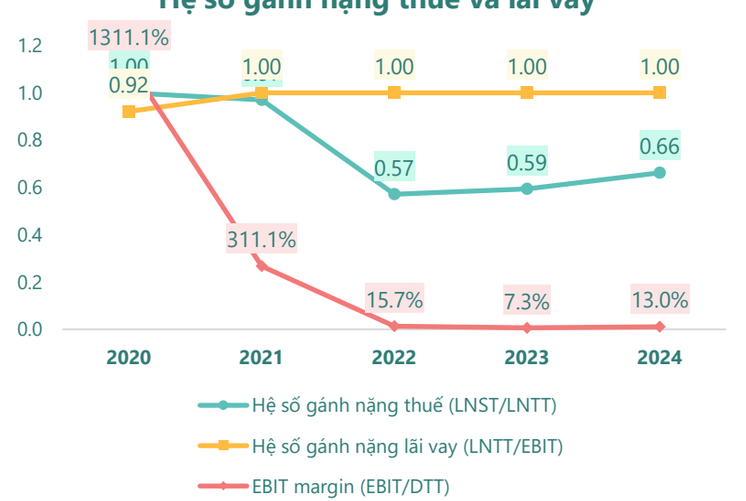

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

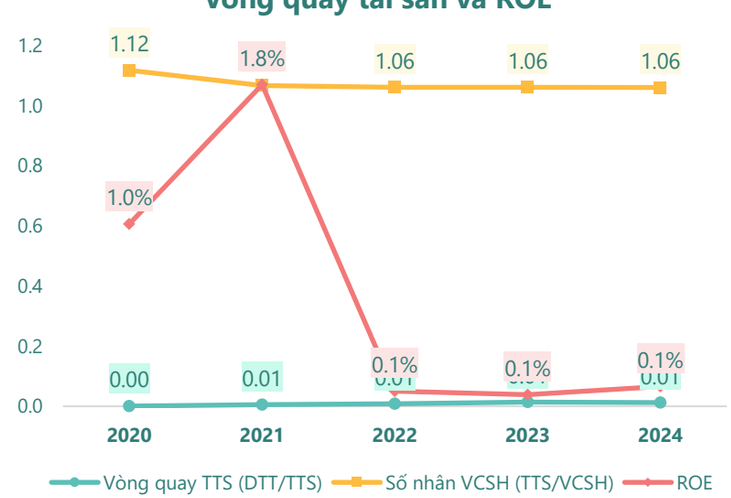

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

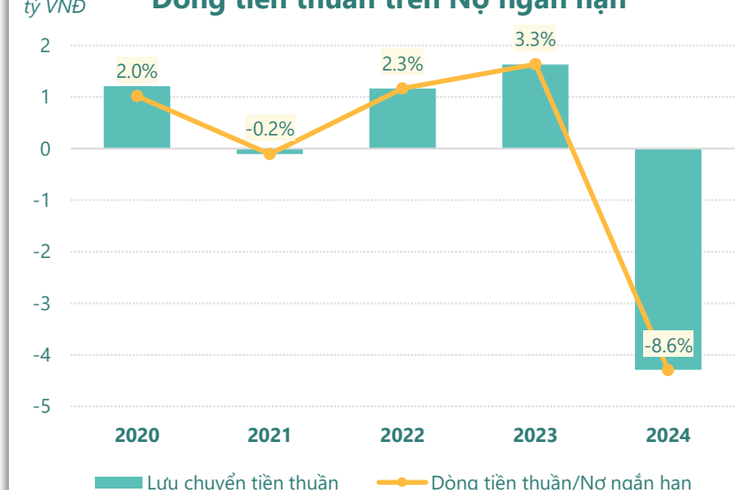

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.67**	**2.89**	**-42.3%**	**3.13**	**5.77**	**-45.8%**
Giá vốn hàng bán	0.70	0.69	2.0%	1.41	1.39	0.9%
Lợi nhuận gộp	0.96	2.20	-56.2%	1.72	4.37	-60.7%
Doanh thu HĐTC	13.6	2.01	577%	18.0	4.03	347%
Chi phí TC	0.37	1.06	-64.8%	0.66	1.06	-37.4%
Chi phí lãi vay	0.37	0.00		0.66	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.01	0.02	-72.9%	0.20	0.03	579%
Chi phí QLDN	**14.4**	**2.89**	**398%**	**19.2**	**6.60**	**190%**
LN thuần từ HĐKD	-0.22	0.24	-191%	-0.29	0.72	-140%
Lợi nhuận khác	**0.53**	**-0.02**	**2731%**	**0.78**	**-0.03**	**3001%**
LN trước thuế	0.31	0.22	40.4%	0.49	0.70	-29.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.19**	**0.13**	**45.5%**	**0.28**	**0.47**	**-39.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.19**	**0.13**	**45.5%**	**0.28**	**0.47**	**-39.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.33	-1.61	-0.82	-1.87	908	28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.36	0.38	0.65	0.67	-930	-28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	23.0	0
Tiền đầu kỳ	4.51	2.82	1.59	1.41	0.21	0.37
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.69**	**-1.23**	**-0.17**	**-1.20**	**0.16**	**0.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.82	1.59	1.41	0.21	0.37	0.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,834**	**875**	**109%**
Tài sản ngắn hạn	1,435	479	200%
Tiền và tương đương tiền	0.40	0.21	89.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	963	4.54	21103%
Phải thu ngắn hạn	66.4	72.3	-8.1%
Hàng tồn kho	393	389	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	12.6	0.2%
Tài sản dài hạn	**399**	**397**	**0.6%**
Phải thu dài hạn	127	127	0.0%
Tài sản cố định	2.69	3.10	-13.2%
Bất động sản đầu tư	56.1	57.5	-2.4%
Tài sản dở dang	66.4	61.7	7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**6.53**	**7.20**	**-9.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	73.7	49.9	47.5%
Nợ ngắn hạn	**73.7**	**49.9**	**47.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.33	0.28	19.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,760**	**825**	**113%**
Vốn chủ sở hữu	**1,760**	**825**	**113%**
Vốn điều lệ	1,761	827	113%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)